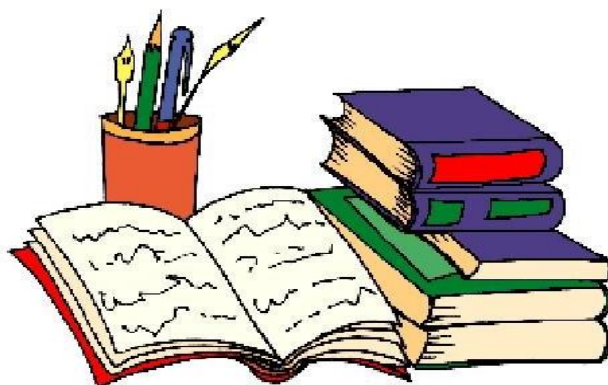


ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN KHÁNH B

MÃ SKKN

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH LỚP 5 PHÂN BIỆT TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ NHIỀU NGHĨA



Lĩnh vực: Tiếng Việt

Cấp học: Tiểu học

Tên tác giả: Hoàng Thị Khánh

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học An Khánh B

Chức vụ: Giáo viên

Năm học 2022- 2023

A. PHẦN MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài

Trong ngôn ngữ thì từ là quan trọng nhất, rồi đến câu, đến văn cho nên dạy từ là rất cần thiết, phải hiểu nghĩa của từ, dùng từ đúng chỗ là điều mà ai cũng phải làm và cũng là khó khăn nhất.

Mở rộng vốn từ là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của môn Tiếng Việt nói chung và phân môn Luyện từ và câu nói riêng. Trong đó “Từ đồng âm” và “Từ nhiều nghĩa” là các loại từ quan trọng, nó được xem như là “Hiện tượng đặc thù” của Tiếng Việt. Việc nhận diện hai loại từ này đối với người lớn đã khó, với học sinh lớp 5 lại càng khó hơn. Qua trực tiếp giảng dạy, dự giờ đồng nghiệp, sinh hoạt chuyên môn, tôi thấy học sinh rất khó khăn khi xác định nghĩa để phân biệt từ, đặc biệt là những từ xuất hiện trong văn cảnh. Chính vì vậy mà mỗi nội dung kiến thức nói chung, kiến thức về *từ đồng âm* và *từ nhiều nghĩa* nói riêng cần phải được củng cố và củng cố một cách kịp thời, có hiệu quả trong từng giờ học mới hy vọng học sinh nhận diện và phân biệt cũng như sử dụng tốt trong nói và viết. Việc củng cố kiến thức đó cần được vận dụng trong mọi nơi, mọi lúc phù hợp và có thể.

Để giúp học sinh học tốt về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa thì giáo viên cần nắm vững nội dung bài dạy, và phải có những phương pháp thích hợp với từng bài. Ngoài ra, trong mỗi tiết dạy giáo viên còn phải biết cách tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh để các em được trao đổi, thảo luận, phát biểu ý kiến, tự rút ra kiến thức mới, có như vậy các em mới hiểu bài sâu hơn và vận dụng được vốn từ đã học trong giao tiếp. Nhưng tổ chức giờ học như thế nào để các hoạt động dạy - học trên lớp được nhẹ nhàng, tự nhiên, đạt hiệu quả cao nhất, theo hướng đổi mới phương pháp như hiện nay thì người giáo viên phải biết tìm tòi và thử nghiệm một số biện pháp để học sinh học tốt *từ đồng âm* và *từ nhiều nghĩa*. Chính vì thế mà tôi đã chọn sáng kiến kinh nghiệm: **“Biện pháp giúp học sinh lớp 5 phân biệt về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa”**

II. Mục đích nghiên cứu.

- Nhằm nâng cao hiệu quả của việc cung cấp từ ngữ cho học sinh lớp 5 từ đó rút ra những kết luận sư phạm ứng dụng vào việc dạy Luyện từ và câu ở Tiểu học nói riêng và giảng dạy các môn học khác nói chung.

- Cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng học tập phân môn Luyện từ và câu của học sinh.

- Giúp học sinh rèn luyện kỹ năng phân biệt nghĩa của từ và kỹ năng vận dụng vốn từ vào trong giao tiếp và có vốn từ phong phú hơn.

III. Phạm vi nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu.

1. Phạm vi nghiên cứu:

Giúp học sinh lớp 5 học tốt về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa trong phân môn Luyện từ và câu.

2. Đối tượng nghiên cứu:

Là học sinh lớp 5A3 Trường Tiểu học An Khánh B

IV. Các phương pháp nghiên cứu.

1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận:

- Nghiên cứu giáo trình Tiếng Việt, Lý luận - phương pháp dạy học Tiếng Việt trong nhà trường, Tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt, sách giáo khoa và tài liệu tham khảo.

2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

- Tìm hiểu, khảo sát, thu thập các dữ liệu thực tiễn có liên quan.
- Phân tích, tổng hợp, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu.

V. Thời gian thực hiện.

- Bắt đầu từ tháng 9 và hoàn thành vào cuối học kì 1 năm học 2022- 2023

B. PHẦN NỘI DUNG

I. CƠ SỞ KHOA HỌC:

1. Cơ sở lí luận.

a. Theo tài liệu.

* Theo tài liệu “Giáo trình Tiếng Việt 2 ” (tác giả Đỗ Xuân Thảo - Lê Hữu Tỉnh). Khái niệm về Từ đồng âm được hiểu như sau:

Từ đồng âm là những từ giống nhau về hình thức ngữ âm, nhưng khác nhau về ý nghĩa.

Ví dụ:

“Bà già đi chợ Cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng *lợi* chẳng
Thầy bói gieo quẻ nói rằng
Lợi thì có *lợi* nhưng răng chẳng còn.”

- *Lợi* trong dòng thứ 2 là tính từ, chỉ “lợi ích” (trái với hại), còn trong dòng thứ 4 *lợi* là danh từ, chỉ “bộ phận trong khoang miệng gắn liền với răng”. Như vậy ta có 2 từ *lợi* đồng âm với nhau.

* Theo tài liệu “88 câu hỏi về giảng dạy Tiếng Việt ở Tiểu học” (Tác giả Lê Hữu Tỉnh - Trần Mạnh Hưởng), Khái niệm nghĩa gốc - nghĩa chuyển của một Từ nhiều nghĩa được hiểu như sau:

- Nghĩa gốc: Là nghĩa cơ bản, là nền tảng cho sự phát triển nghĩa của từ. Trong từ điển, nghĩa gốc được nói đến đầu tiên.

- Nghĩa chuyển: Là loại nghĩa được hình thành từ nghĩa gốc, có mối quan hệ mật thiết với nghĩa gốc. Trong từ điển, nghĩa chuyển được nói đến sau nghĩa gốc.

* Theo tài liệu “Lý luận - Phương pháp dạy học từ ngữ Tiếng Việt trong nhà trường của PGS - TS Nguyễn Đức Tôn cũng viết:

- Nghĩa gốc - nghĩa chuyển: Đây là cách gọi theo quan điểm lịch đại, nhìn nhận theo quá trình phát triển ý nghĩa của từ. Nghĩa gốc là nghĩa vốn có của từ ngay từ khi xuất hiện, từ đó làm nảy sinh ra nghĩa khác. Nghĩa được nảy sinh ra từ một nghĩa nào đó được gọi là nghĩa chuyển.

- Nghĩa chính - nghĩa phụ: Đây là tên gọi theo quan điểm đồng đại. Nghĩa chính là nghĩa được người ta nghĩ đến đầu tiên khi đọc hoặc nghe thấy một từ.

- Nghĩa phụ là nghĩa bị phụ thuộc vào vị trí của từ. Nghĩa từ chỉ có khi kết hợp với những từ đặc thù nhất định thì nghĩa này mới được hiểu.

Ví dụ: Từ “*răng*” dùng để chỉ bộ phận cơ thể người hoặc động vật thì đây là nghĩa chính (*răng người, răng chuột, sún răng, mọc răng...*)

Từ “*răng*” dùng để chỉ bộ phận giống với răng người ở một số đồ vật thì đó là nghĩa phụ (*răng bừa, răng lược...*)

b. Quy luật chuyển nghĩa của từ, tài liệu.

* Quy luật nhận thức của con người:

Quá trình nhận thức của con người bao gồm hai mặt: cảm tính và lý tính.

Trong đó nhận thức cảm tính là nhận thức đầu tiên. Điều này có nghĩa là tư duy của con người bao giờ cũng đi từ cụ thể, trực quan, cảm tính đến trừu tượng lý tính. Dựa vào quy luật trên, ta có thể rút ra thủ pháp nhận diện, phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của một từ như sau: Trong 2 nghĩa của từ, nếu nghĩa nào cụ thể hơn (tức là với nghĩa này, từ chỉ có hiện tượng trực quan cảm tính) thì đó là nghĩa gốc. Nghĩa nào có tính chất trừu tượng hơn (chỉ hiện tượng trừu tượng thuộc nhận thức lý tính), thì đó là nghĩa chuyển.

Ví dụ: Nghĩa của từ “*chín*” khi nói về quả, hạt hoặc hoa là nghĩa chính, còn khi nói về sự suy nghĩ của con người thì đó là nghĩa chuyển.

* Quy luật chuyển nghĩa của từ:

Tất cả các sự chuyển nghĩa có tính chất ẩn dụ trong ngôn ngữ đều xuất phát từ những thuộc tính của con người và từ hiện thực gần gũi nhất đối với con người đến toàn bộ thế giới còn lại. Dựa vào quy luật này, ta có thể thấy: Trong 2 ý nghĩa của một từ, nghĩa nào nói đến bản thân con người, động vật hoặc nói về các hành động, tính chất của con người thì thường là nghĩa gốc (nghĩa gốc) còn nghĩa nói về các hiện tượng khác còn lại thường là nghĩa chuyển.

Ví dụ: “*răng*” trong *răng người, răng chuột* là nghĩa chính.

“*răng*” trong *răng bừa, răng cào* là nghĩa chuyển.

2. Cơ sở thực tiễn:

Trong thực tế, qua giảng dạy tôi nhận thấy, học sinh ít có hứng thú học phân môn Luyện từ và câu. Hầu hết các em được hỏi ý kiến cho rằng: Luyện từ

và câu là một môn học khô khan và khó, nhất là các bài tập viết đoạn văn ngắn với các từ theo chủ đề; bài tập về giải nghĩa từ, phân biệt nghĩa của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.

Mặc dù đã được học xong từng bài Lý thuyết về từ: Từ đồng âm, Từ nhiều nghĩa nhưng học sinh vẫn lúng túng, nhầm lẫn khi làm các bài tập phân biệt các từ đồng âm, từ nhiều nghĩa trong câu văn (Bài tập 1, sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 1 trang 82)

Bài 1. Trong các từ in đậm sau đây, những từ nào là *từ đồng âm*, những từ nào là *từ nhiều nghĩa*?

a. **Chín**

- Lúa ngoài đồng đã **chín** vàng.
- Tổ em có **chín** học sinh.
- Nghĩ cho **chín** rồi hãy nói.

b. **Đường**

- Bát chè này nhiều **đường** nên rất ngọt.
- Các chú công nhân đang chữa **đường** dây điện thoại.
- Ngoài **đường**, mọi người đã đi lại nhộn nhịp.

c. **Vật**

- Những **vật** nung màu mật
- Lúa chín ngập lòng thung.

Nguyễn Đình Ảnh

- Chú Tư lấy dao **vật** nhọn đầu chiếc gậy tre.
 - Những người Giáy, người Dao
- Đi tìm măng, hái nấm
- Vật** áo chàm thấp thoáng
- Nhuộm xanh cả nắng chiều.

Nguyễn Đình Ảnh

Ngoài ra, với dạng bài tập sau học sinh cũng lúng túng và làm bài sai nhiều:

Bài 4 (sách giáo khoa Tiếng Việt 5 - tập 1 trang 74).

Chọn một trong hai từ dưới đây và đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ ấy:

a. Đi

- Nghĩa 1: tự di chuyển bằng bàn chân.
- Nghĩa 2: mang (xỏ) vào chân hoặc tay để che, giữ.

b. Đứng

- Nghĩa 1: ở tư thế thân thẳng, đặt trên mặt nền.
- Nghĩa 2: ngừng chuyển động.

Bài 3 (sách giáo khoa Tiếng Việt 5 - tập 1 trang 82).

Dưới đây là một số tính từ và những nghĩa phổ biến của chúng:

a. Cao

- Có chiều cao lớn hơn mức bình thường.
- Có số lượng hoặc chất lượng hơn hẳn mức bình thường.

b. Nặng

- Có trọng lượng lớn hơn mức bình thường.
- Ở mức độ cao hơn, trầm trọng hơn mức bình thường.

c. Ngọt

- Có vị ngọt như đường, mật.
- (Lời nói) nhẹ nhàng, dễ nghe.
- (Âm thanh) nghe êm tai.

Em hãy đặt câu để phân biệt các nghĩa của một trong những từ nói trên.

Khi làm dạng bài tập 4 thì học sinh rất lúng túng, các em không hiểu đúng yêu cầu (dùng từ **đi**, **đứng** trong câu mà dùng nhầm các từ ở nghĩa của từ đó) nên làm sai nhiều (chẳng hạn học sinh đặt câu như: Em **mang** dép vào chân.; Chiếc xe du lịch đang đi bỗng **ngừng** lại). Mặc dù giáo viên đã hướng dẫn kĩ. Còn với bài tập 3 thì các em mắc lỗi sai là đặt hai câu với mỗi từ (**cao**, **nặng**, **ngọt**) có cùng một nghĩa.

Ví dụ: Bé An mới 4 tuổi mà đã **cao** gần bằng em.

Bạn Nga **cao** hơn Lan một cái đầu.

3. Thực trạng về việc dạy *từ đồng âm* và *từ nhiều nghĩa*:

Sau khi học về từ đồng âm học sinh nắm được “Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm nhưng khác hẳn nhau về nghĩa”. Rất nhiều học sinh nêu được định nghĩa này, thậm chí là học thuộc lòng và đã biết vận dụng vào việc xác định từ đồng âm và vận dụng được từ đồng âm. Đến khi xuất hiện từ nhiều nghĩa thì học sinh thực sự lúng túng. Học sinh lúng túng- phân vân giữa việc xác định, phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa, phân biệt hai từ nào là hai từ đồng âm, hai từ nào là hai từ nhiều nghĩa. Nhiều học sinh thậm chí chỉ biết đoán mò để tìm kết quả.

Qua tìm hiểu nghiên cứu, tôi thấy những hạn chế trên chủ yếu do 4 nguyên nhân sau:

- a. Thời lượng để học sinh tiếp cận và rèn luyện kỹ năng về *từ đồng âm* và *từ nhiều nghĩa* là quá ít (so với nội dung tương đối khó).
- b. Do học sinh không hiểu quy luật chuyển nghĩa của từ.
- c. Do học sinh không nhận ra mối liên hệ ý nghĩa giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.
- d. Do học sinh không so sánh được điểm giống nhau và khác nhau của từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

Khắc phục tình trạng này quả là khó vì *từ đồng âm* và *từ nhiều nghĩa* là hai nội dung khá khó, khó phân biệt nhưng không phải là không làm được. Quan trọng nhất là phải tìm hiểu nhiều về *từ đồng âm*, *từ nhiều nghĩa* nhưng không phải trên lý thuyết mà phải bắt đầu từ các ví dụ. Học sinh phải được làm quen nhiều với việc phân tích ví dụ để hiểu rõ hơn về *từ đồng âm*, *từ nhiều nghĩa*. Từ đó học sinh hiểu rõ được bản chất của vấn đề nhằm nhận biết, phân biệt và vận dụng chúng một cách linh hoạt.

Để có được điều đó, tôi đã đưa ra các biện pháp nhận diện, phân biệt từ và đưa ra cách tổ chức giờ học nhẹ nhàng, gần gũi và có hiệu quả cao nhất theo hướng đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

II. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

1. Nhóm các biện pháp nhận diện, phân biệt từ.

1.1. *Biện pháp 1.* Giúp học sinh nhận biết các *từ đồng âm*.

a. *Từ đồng âm ngẫu nhiên*: nghĩa là hai hay nhiều từ có hình thức ngữ âm giống nhau, giữa chúng không hề có mối liên hệ nào. Chúng vốn là những từ hoàn toàn khác nhau

Ví dụ:

- “bay” (động từ) chim bay
“bay” (danh từ) cái bay
- “bàn” (danh từ) cái bàn
“bàn” (động từ) bàn công việc
- “đường” (danh từ chỉ sự vật) đường đi
“đường” (danh từ chỉ chất liệu) đường ăn

Những từ đồng âm ngẫu nhiên chiếm đa số trong tổng số các từ đồng âm trong Tiếng Việt. Nó được coi là loại từ đồng âm điển hình nhất, tiêu biểu nhất.

b. *Từ đồng âm khác loại*: nghĩa là một từ thuộc nhiều từ loại.

Ví dụ:

- “muối” (danh từ) 1 kg muối
“muối” (động từ) muối dưa
- “cuốc” (danh từ) cái cuốc
“cuốc” (động từ) cuốc đất
- “thịt” (danh từ) miếng thịt
“thịt” (động từ) thịt con lợn

Dựa vào ngữ cảnh để nhận biết các từ đồng âm. Ngữ cảnh hiện thực hóa giá trị của các từ và giúp cho người sử dụng ngôn ngữ tránh sự nhầm lẫn.

1.2. Biện pháp 2. Giúp học sinh nhận biết từ một nghĩa và từ nhiều nghĩa.

Để học sinh nhận biết thế nào là *từ một nghĩa*, thế nào là *từ nhiều nghĩa*. Trước hết giáo viên có thể cho học sinh ví dụ để phân biệt từ có một nghĩa.

Ví dụ 1. (?) Em hãy giải thích nghĩa của từ “xe đạp”?

HS: Xe đạp là một phương tiện giao thông sử dụng sức người, có 2 bánh, dùng sức người đạp cho quay bánh.

Như vậy, nghĩa trên là nghĩa duy nhất của từ “xe đạp”. Hay nói cách khác:

Từ “xe đạp” chỉ có khả năng gọi tên một sự vật duy nhất. Vậy, có thể nói từ “xe đạp” là từ chỉ có một nghĩa.

Ví dụ 2. (?) Em hãy nêu ý nghĩa từ “*chạy*” trong các câu sau:

- Nam đang *chạy* (1) bộ.
- Cái đồng hồ này *chạy* (2) nhanh 5 phút.
- Bà con khẩn trương *chạy* (3) lũ.
- Mặt hàng này bán rất *chạy* (4).

HS: *Chạy* (1): Di chuyển cơ thể bằng những bước nhanh.

Chạy (2): Hoạt động của máy móc.

Chạy (3): Đi nơi khác để tránh nguy hiểm.

Chạy (4): Nhanh, nhiều người mua.

Từ “*chạy*” có khả năng gọi tên nhiều sự vật, hiện tượng khác nhau, nhiều hoạt động khác nhau. Ta nói từ “*chạy*” là từ có nhiều nghĩa.

Với cách hướng dẫn nhận diện này, các em sẽ phân biệt *từ một nghĩa* và *từ nhiều nghĩa* một cách dễ dàng, trước khi dẫn đến hình thành khái niệm nghĩa gốc - nghĩa chuyển như sách giáo khoa đã trình bày.

1.3. Biện pháp 3. Dựa vào mức độ cụ thể, trừu tượng của từ để phân biệt nghĩa gốc - nghĩa chuyển.

a) Khi gặp hai hoặc nhiều nghĩa của từ trong văn cảnh, muốn biết từ đó dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển, tôi đã hướng dẫn học sinh thông qua cách nhận biết trực quan như sau:

- Từ nào có ý nghĩa cụ thể hơn: nghĩa của từ chỉ những sự vật, hiện tượng hoặc tính chất, hành động cụ thể, mà các em có thể cảm nhận được bằng giác quan thì từ đó được dùng theo nghĩa gốc.

- Từ nào có nghĩa trừu tượng hơn: nghĩa của từ chỉ những sự vật, hiện tượng hoặc hành động, tính chất mà các em không thể cảm nhận bằng giác quan thì từ đó được dùng theo nghĩa chuyển.

Ví dụ 1: a) Bữa tối, nhà em thường *ăn* cơm muộn.

b) Xe này *ăn* xăng quá!

c) Mẹ tôi là người làm công *ăn* lương.

- *Ăn*: chỉ hoạt động đưa thức ăn vào miệng. Hành động “*ăn*” trong câu a, là hành động cụ thể (dùng miệng để ăn). Từ “*ăn*” trong câu a, được dùng theo nghĩa gốc.

- *Ăn*: chỉ hoạt động tiêu thụ năng lượng để máy móc hoạt động. Hành động “*ăn*” trong câu b, là hành động trừu tượng (không dùng miệng). Từ “*ăn*” trong câu b, được dùng theo nghĩa chuyển.

- Hành động *ăn* trong câu c, là hành động trừu tượng (không dùng miệng).

Từ “*ăn*” trong câu c, được dùng theo nghĩa chuyển.

Như vậy, từ “*ăn*” nào chỉ hành động cụ thể (dùng miệng để ăn) thì từ đó được dùng theo nghĩa gốc. Từ “*ăn*” chỉ hành động (không dùng miệng) là những từ dùng theo nghĩa chuyển.

Ví dụ 2: a) Thanh sắt *cứng* quá, không uốn cong được.

b) Tay nghề của cô ấy rất *cứng*.

c) Nó rất *cứng* đầu.

- *Cứng*: khó bị biến dạng. Từ “*cứng*” ở câu a, chỉ tính chất cụ thể (có thể cảm nhận bằng sờ, nắm để nhận ra) => Từ “*cứng*” ở câu a, được dùng theo nghĩa gốc.

- *Cứng*: có trình độ cao, vững vàng. Từ “*cứng*” ở câu b, chỉ tính chất trừu tượng (không thể sờ, nắm) => Từ “*cứng*” được dùng theo nghĩa chuyển.

- *Cứng*: bướng bỉnh, khó bảo. Từ “*cứng*” ở câu c, chỉ tính chất trừu tượng (không thể sờ, nắm) => Từ “*cứng*” được dùng theo nghĩa chuyển.

Như vậy, qua cách nhận diện trên, từ “*cứng*” chỉ tính chất cụ thể (dùng tay để sờ, nắm được) thì từ đó được dùng theo nghĩa gốc. Từ “*cứng*” chỉ tính chất trừu tượng (không sờ, nắm được) là từ được dùng theo nghĩa chuyển.

b) Nếu cả hai nghĩa đều cụ thể, khó phân biệt được nghĩa nào cụ thể hơn, nghĩa nào trừu tượng hơn, thì có thể hướng dẫn học sinh dựa vào các dấu hiệu sau:

- Nếu nghĩa của từ nào nói đến bản thân con người (hoặc động vật), hoặc tính chất, hành động của con người thì từ đó được dùng theo nghĩa gốc.

- Nếu nghĩa của từ nói đến các đồ vật, vật có hình dáng, tính chất, hành động gần giống con người thì từ đó được dùng theo nghĩa chuyển.

Ví dụ 1: Từ “*tai*”

a) Lắng *tai* nghe lấy những lời mẹ cha.

b) Chiếc ấm này, *tai* đã sứt.

- *Tai*: cơ quan hai bên đầu người, động vật. Từ “*tai*” dùng chỉ bộ phận cơ thể người. Từ “*tai*” ở câu a, được dùng theo nghĩa gốc.

- *Tai*: bộ phận của vật có hình dáng giống cái tai. Từ “*tai*” chỉ bộ phận của vật. Từ “*tai*” ở câu b, được dùng theo nghĩa chuyển.

Ví dụ 2: Từ “*reo*”

a) Bé *reo* lên: “Mẹ về!”.

b) Hàng thông *reo* trước gió.

- *Reo*: kêu lên tỏ ý vui mừng, phấn khởi. Từ “*reo*” ở câu a, chỉ tiếng kêu của người. Từ “*reo*” được dùng theo nghĩa gốc.

- *Reo*: phát ra tiếng kêu đều, nghe vui tai. Từ “*reo*” ở câu b, chỉ tiếng kêu của vật. Từ “*reo*” ở câu b, được dùng theo nghĩa chuyển.

Với cách làm này, các em dễ dàng phân biệt nghĩa của từ: “*chân*” trong *chân gà* với “*chân*” trong *chân giường*, *chân núi*; “*mắt*” trong *mắt em bé* với “*mắt*” trong *mắt tre*, *mắt lưới*, ...

1.4. Biện pháp 4. Hướng dẫn học sinh phát hiện ra mối liên hệ ý nghĩa giữa nghĩa chuyển với nghĩa gốc của từ.

Để nhận diện được một từ nào đó có phải là nghĩa chuyển được hiểu rộng từ nghĩa gốc của từ đó hay không, giáo viên hướng dẫn học sinh tìm ra những nét giống nhau trong ý nghĩa của các từ. Nếu từ đó có nét giống so với nghĩa ban đầu thì từ đó được dùng theo nghĩa chuyển. Nếu từ đó có nghĩa hoàn toàn khác xa với nghĩa ban đầu thì từ đó là từ đồng âm.

Ví dụ 1:

a) Nó bị ướm từ đầu đến *chân*.

(*chân*: bộ phận cuối cùng của cơ thể người hoặc động vật, để đi, đứng)

b) *Chân* giường bị gãy.

(*Chân*: bộ phận cuối cùng của đồ dùng, có tác dụng đỡ bộ phận khác).

c) Ở *chân* núi phía xa, bầu trời như thấp dần.

(*Chân*: Phần cuối cùng của một vật, tiếp giáp và bám chặt với mặt nền).

Từ “*chân*” trong 3 câu trên cùng có nét nghĩa giống nhau: cùng chỉ bộ phận dưới cùng. Vậy, “*chân*” trong *chân giường*, “*chân*” trong *chân núi* là nghĩa chuyển của từ “*chân*” trong *chân người*.

Ví dụ 2:

a) Tiếng người *hú*.

(*hú*: cất lên tiếng to, vang, kéo dài để gọi nhau).

b) Tiếng còi tàu *hú* vang trong đêm.

c) Ngoài trời, gió *hú* từng cơn.

(*hú*: phát ra tiếng kêu như tiếng *hú*)

Từ “*hú*” trong 3 câu trên có nét nghĩa giống nhau: cùng phát ra âm thanh. Vậy “*hú*” trong *còi hú*, “*hú*” trong *gió hú* là nghĩa chuyển của “*hú*” trong *người hú*.

1.5. Biện pháp 5. Hướng dẫn phân biệt từ nhiều nghĩa với từ đồng âm.

Để giúp học sinh không nhầm lẫn giữa từ nhiều nghĩa và từ đồng âm, có thể cho học sinh dựa vào một số dấu hiệu phân biệt sau đây:

Dấu hiệu phân biệt	Từ nhiều nghĩa (Nghĩa gốc – nghĩa chuyển)	Từ đồng âm
<i>Giống nhau</i>	- Đọc giống nhau, viết giống nhau. - Dựa vào văn cảnh để xác định nghĩa của từ.	- Đọc giống nhau, viết giống nhau. - Dựa vào văn cảnh để xác định nghĩa của từ.
<i>Khác nhau</i>	- Luôn luôn cùng từ loại.	- Thường khác từ loại.
	Ví dụ: Lan <i>ăn</i> cơm. ĐT Xe <i>ăn</i> hàng ở cảng. ĐT	Ví dụ: Chúng nó <i>tranh</i> nhau quả bóng. ĐT Mọi người đang xem <i>tranh</i>. DT * Nếu cùng từ loại thì phần lớn là danh từ. <i>Ví dụ:</i> Tám <i>vải</i> này dày quá. DT Năm nay quê em được mùa <i>vải</i>. DT

	- Giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ luôn có mối quan hệ về nghĩa. - Tất cả nghĩa chuyển đều xuất phát từ quy luật chuyển nghĩa của từ. Ví dụ: Ngôi <i>nhà</i> (1) vừa mới xây xong. Cà <i>nhà</i> (2) vui vẻ trò chuyện. <i>Nhà</i> (1): chỉ nơi ở. <i>Nhà</i> (2): Chỉ những người sống trong nơi ở đó.	- Các từ đồng âm có nghĩa khác xa nhau. - Một số từ đồng âm xuất hiện từ quy luật chuyển từ loại. Ví dụ: Bố <i>đeo cà</i> (1). Bố <i>đang cà</i> ngoài đồng (2). <i>Cà</i> (1): Danh từ chỉ một loại nông cụ. <i>Cà</i> (2): Động từ dùng chỉ cà để lật đất lên (chuyển loại từ danh từ sang động từ).
	- Là một từ nhưng có nhiều nghĩa. Ví dụ: (<i>hòn</i>) <i>đá</i> và (<i>nước</i>) <i>đá</i>	- Là hai hay nhiều từ có cùng hình thức ngữ âm. Ví dụ: (<i>hòn</i>) <i>đá</i> và <i>đá</i> (<i>bóng</i>)
	- Các nghĩa có liên quan với nhau tạo thành một hệ thống (hay nói cách khác chúng có một nét nghĩa chung). Ví dụ: (<i>hòn</i>) <i>đá</i> chỉ chất rắn có trong tự nhiên, thường kết thành tảng, hòn, khối, rất cứng; và (<i>nước</i>) <i>đá</i> chỉ nước đông cứng lại thành tảng, giống như đá.	- Các nghĩa hoàn toàn khác biệt nhau, chúng không có bất cứ mối liên hệ gì. Ví dụ: (<i>hòn</i>) <i>đá</i> chỉ chất rắn có sẵn trong tự nhiên, thường thành tảng, hòn, khối rất cứng; còn <i>đá</i> (<i>bóng</i>) chỉ hành động dùng chân hất mạnh vào vật nhằm đưa ra xa hoặc làm tổn thương.

2. Tổ chức giờ học nhẹ nhàng, gần gũi, hiệu quả.

2.1. Ví dụ 1. Dạy bài “Từ đồng âm” tôi thiết kế bài giảng trên powerpoint và thực hiện như sau:

Ở phần nhận xét, tôi yêu cầu các em trao đổi theo nhóm đôi để chọn dòng nêu đúng nghĩa của từ “câu”.

Câu (cá): bắt cá, tôm... bằng móc sắt nhỏ (thường có mồi) buộc ở đầu một sợi dây.

Câu (văn): đơn vị của lời nói diễn đạt một ý trọn vẹn, trên văn bản được mở đầu bằng một chữ cái viết hoa và kết thúc bằng một dấu ngắt câu.

Hỏi: hai từ *câu* trên phát âm như thế nào? (hoàn toàn giống nhau). Nghĩa có giống nhau không? (nghĩa khác hẳn nhau) và tôi giới thiệu: **Những từ giống nhau về âm nhưng khác hẳn nhau về nghĩa là những từ đồng âm.**

Sau đó tôi hướng dẫn các em rút ra phần ghi nhớ.

Để chứng minh cho ghi nhớ là đúng, mỗi em hãy tìm một cặp từ đồng âm?

Tôi cho cả lớp suy nghĩ, tìm cặp từ đồng âm. Các em rất hào hứng và sôi nổi: (*lọ hồ - hồ nước; quả mơ - giấc mơ; con cá - cá cược...*)

Phản luyện tập:

Bài tập 1: Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:

- a) Cánh đồng - tượng đồng - một nghìn đồng
- b) Hòn đá - đá bóng
- c) Ba và má - ba tuổi

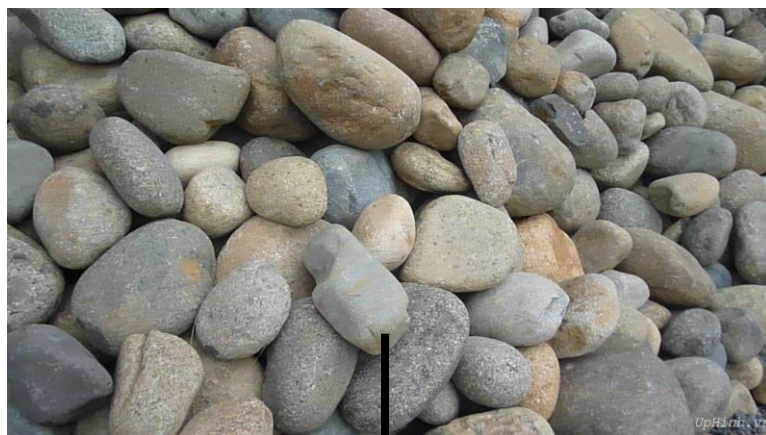
Yêu cầu của bài tập này là các em phải nêu nghĩa của các từ **đồng, đá, ba** trong các từ đã cho. Nếu để học sinh làm việc cá nhân các em sẽ lúng túng, và mất nhiều thời gian nên tôi tổ chức cho các em thảo luận nhóm 4, dùng các trang từ điển được chuẩn bị để nêu nghĩa của các từ **đồng, đá, ba** trong từng cụm từ nêu trên. Học sinh báo cáo xong, tôi kết hợp cho học sinh quan sát một số tranh, ảnh, vật thật (tờ 1000 đồng), hành động cụ thể (đá nhẹ quả bóng) minh họa cho các từ trên.



Cánh đồng



Tượng đồng



Hòn đá

Bài tập 2. Đặt câu để phân biệt các từ đồng âm **bàn, cờ, nước**.

Yêu cầu của bài tập là đặt câu để phân biệt các từ đồng âm **bàn, cờ, nước**. Do đó, mỗi từ nêu trên phải đặt ít nhất là hai câu có nghĩa của các từ **bàn, cờ, nước** khác nhau. Để giúp các em đặt câu đúng, hoàn thành tốt bài tập này, tôi tổ chức cho học sinh thi đặt câu theo nhóm. Qua kết quả báo cáo của các nhóm, tôi phát hiện ngay những hạn chế của câu đặt chưa đúng và hướng dẫn chữa câu kịp thời để các em hiểu bài kỹ hơn. Đặc biệt tôi khuyến khích các em đặt hai từ đồng âm trong một câu thì sẽ dễ hơn và không bị đặt câu sai.

Ví dụ:

- Bố và ông ngồi vào *bàn* để *bàn* việc xây nhà.
- Chúng tôi ngồi đánh *cờ* cạnh cột *cờ*.
- Đảo Trường Sa *nước* ta nằm giữa biển *nước*.

Bài tập 3. Tôi cho các em đọc mẫu chuyện vui và trả lời miệng.

Bạn Nam nhầm lẫn từ **tiêu** trong cụm từ **tiền tiêu** (tiền để chi tiêu) với tiếng **tiêu** trong từ đồng âm: **tiền tiêu** (vị trí quan trọng, nơi có bố trí canh gác ở phía trước khu vực trú quân, hướng về phía địch)

Sau bài 3, tôi nhấn mạnh: dựa vào ngữ cảnh để nhận biết các từ đồng âm. Ngữ cảnh hiện thực hóa giá trị của các từ và giúp cho người sử dụng ngôn ngữ tránh sự nhầm lẫn

Bài tập 4. Tôi tổ chức cho các em thi giải đố nhanh.

a) Con chó thui; vì từ *chín* trong câu đố có nghĩa là nướng chín chứ không phải số chín.

b) Là khẩu súng và cây hoa súng (khẩu súng còn được gọi là cây súng).

Sau bài tập 4, tôi cho cả lớp chơi trò chơi: “**Đuổi hình bắt chữ**” học sinh quan sát tranh, tìm cặp từ đồng âm hoặc đặt câu có cặp từ đồng âm.



Ruồi đậu - Xôi đậu

Con ruồi đáng ghét dám đậu vào đĩa xôi đậu.



Chùm vải - Áo vải

Chị em mặc áo vải xanh đứng bán vải.



Cây đàn - Đàn chim

Đàn chim ríu rít trò chuyện trên cây đàn.

Ở bài dạy trên, tôi đã sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại gợi mở và phương pháp quan sát để các em tham gia vào hoạt động học tập. Cả lớp đều tích cực hoạt động, tham gia phát biểu ý kiến và làm các bài tập được giao. Được quan sát tranh, ảnh, được tham gia “đuổi hình bắt chữ”, các em cũng hiểu rõ hơn các nghĩa của từ đồng âm được nhắc tới trong bài học.

2.2 Ví dụ 2. Dạy bài “Từ nhiều nghĩa”, sau khi học sinh tìm hiểu bài và làm bài tập 1 xong, tôi cho học sinh tìm luôn những từ mang nghĩa chuyển có từ *mắt, chân, đầu*.

Giáo viên chốt lại các nhóm từ:

Mắt: mắt sàng, mắt dĩa, mắt lưới, mắt bão, mắt kính, mắt xích,...

Chân: chân răng, chân tóc, chân tường, chân đê, chân tủ, chân bàn...

Đầu: đầu làng, đầu cầu, đầu ngõ, đầu suối, đầu đường, đầu bàn...

Đến bài tập 2, tôi tổ chức cho các nhóm thi tìm từ nhanh bằng cách ghi các từ tìm được vào bảng phụ trong thời gian quy định. Hết thời gian, nhóm nào tìm được nhiều từ và đúng là nhóm thắng cuộc.

Giáo viên tổng kết trò chơi và chốt lại các nhóm từ:

Lưỡi: lưỡi liềm, lưỡi hái, lưỡi dao, lưỡi cày, lưỡi rìu, lưỡi cưa, lưỡi gươm, lưỡi lê,...

Miệng: miệng bát, miệng chai, miệng li, miệng hố, miệng bình, miệng túi,...

Cổ: cổ tay, cổ chân, cổ chai, cổ bình, cổ lọ,...

Tay: tay áo, tay quay, tay nghề, tay bóng bàn,...

Lưng: lưng núi, lưng đôi, lưng ghế, lưng trời, lưng áo, ..

Sau phần này tôi chốt: vậy những từ ngữ chỉ bộ phận trên cơ thể người thường là từ nhiều nghĩa. Tôi cho học sinh tìm thêm những từ nhiều nghĩa trên cơ thể người khác nữa:

Ví dụ: nách, bụng, sườn, tóc, ...

Để củng cố bài, tôi cho học sinh chơi trò chơi: đố vui, sau mỗi câu đố, học sinh tìm thêm các từ mang nghĩa chuyển của phần giải đố

Câu đố 1: “Con gì càng to càng nhỏ”? (là gì?)

(con cua)

Từ “càng” trong “càng cua” mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? (nghĩa gốc).

Học sinh tìm thêm từ “càng” mang nghĩa chuyển (càng xe bò, càng pháo,...).

Câu đố 2:

“Năm ông ngồi chung một bàn

Ông lo việc nước, ông toan việc nhà

Bốn ông tuổi mới lên ba

Một ông đã già, tuổi chỉ lên hai”. (là gì?)

(bàn tay)

Từ “tay” trong “bàn tay” mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển (nghĩa gốc).

Học sinh tìm thêm từ “tay” mang nghĩa chuyển (tay tre, tay nắm cửa, tay áo, tay vịn cầu thang, tay lái, tay quay...).

Câu đố 3: Đập thì sống, không đập thì chết. (là gì?).

(quả tim)

Từ “quả” trong “quả tim” mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? (nghĩa chuyển).

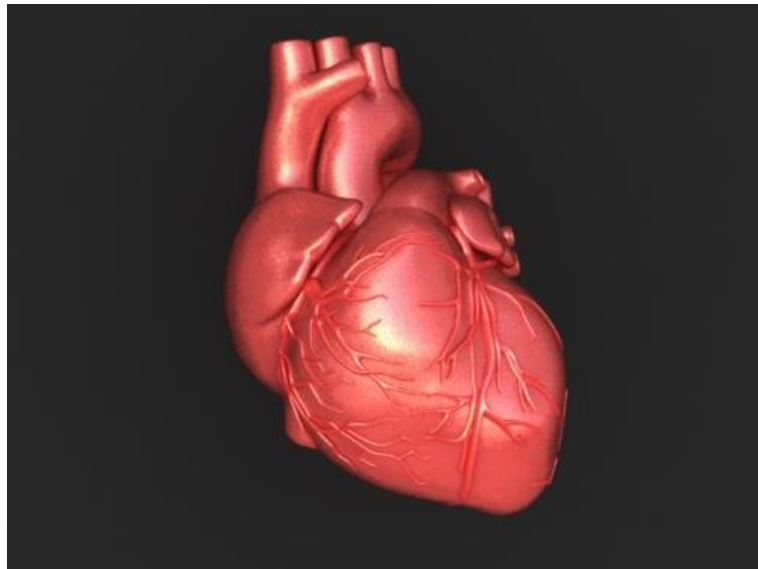
- Học sinh tìm thêm những từ có tiếng “quả” mang nghĩa chuyển (quả đồi, quả đất, quả cân, quả trứng, quả đấm, quả lắc...).



Càng cua



Bàn tay



Quả tim

2.3 Ví dụ 3. Dạy bài “Luyện tập về từ nhiều nghĩa” (Tiết 1) trang 73-sgk Tiếng Việt 5.

Để bài học có tính hệ thống, trước khi vào bài, tôi hỏi học sinh: “Ở bài *Từ nhiều nghĩa*, các con đã biết được những từ nhiều nghĩa là những từ nào? Các từ đó thuộc từ loại gì? Tôi đã vào bài: “Tiết học hôm nay chúng ta cùng luyện tập về từ nhiều nghĩa với những từ là động từ nhé!”.

Bài tập 1. Sau khi học sinh tìm được nghĩa thích hợp cho từ “*chạy*” ở mỗi câu văn, tôi hỏi học sinh: Vậy trong 4 nghĩa này nghĩa của từ “*chạy*” trong câu nào là nghĩa gốc, nghĩa của từ “*chạy*” trong câu nào là nghĩa chuyển?

- Học sinh trả lời - giáo viên chốt.

1. “*chạy*” trong “*bé chạy*” là nghĩa gốc.

2. “*chạy*” trong “*tàu chạy, dòng hồ chạy, chạy lũ*” là nghĩa chuyển.

Tôi lại cho học sinh tìm tiếp những từ chạy mang nghĩa chuyển và nêu nghĩa của một vài từ đó.

(*chạy chợ, chạy mưa, chạy thóc, chạy giặc, chạy tiền, chạy bàn, chạy ăn, chạy án...*)

Bài tập 2. Trước khi làm bài tập, tôi cho học sinh nêu lại ghi nhớ về từ nhiều nghĩa rồi tôi nhấn mạnh: “các nghĩa của từ nhiều nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau hay nói cách khác chúng có nét nghĩa chung. Vậy nét nghĩa chung của từ “*chạy*” trong tất cả các nghĩa trên là gì? Chúng ta cùng làm bài tập 2.

Ở bài tập 2, tôi cho học sinh thảo luận nhóm 2 và tìm ra đáp án.

Bài tập 3. Tôi hướng dẫn học sinh dựa theo “Biện pháp 3” và quan sát hình ảnh để tìm từ “*ăn*” dùng với nghĩa gốc.

a) “*Ăn*” chỉ sự hủy hoại của nước làm chân bị ngứa ngứa lở loét. “*ăn*” trong câu a là hành động trừu tượng (không dùng miệng). Từ “*ăn*” ở câu a là nghĩa chuyển.

b) “*Ăn*” chỉ hoạt động tiếp nhận, bốc dỡ hàng. Hành động “*ăn*” trong câu b là hành động trừu tượng (không dùng miệng). Từ “*ăn*” trong câu b được dùng với nghĩa chuyển.

c) “*Ăn*” chỉ hoạt động đưa thức ăn vào miệng. Hành động “*ăn*” trong câu a được dùng theo nghĩa gốc.

Sau khi học sinh tìm được từ “*ăn*” trong câu dùng với nghĩa gốc, tôi cho các em tìm thêm một số từ có tiếng “*ăn*” mang nghĩa chuyển (*ăn ảnh, ăn khách, ăn nắng, ăn phẩn, ăn xăng...*)

Bài tập 4. Với các bài tập mà học sinh khó thực hiện như bài 4, để giúp các em hiểu đúng nghĩa và dùng đúng từ yêu cầu đặt câu của đề bài, tôi mời học sinh lên thực hiện hành động như: đi ra cửa lớp; đi (xỏ) giày vào tay; đứng thẳng trên bục giảng; cái đồng hồ kim đứng, không chuyển động. Để câu văn học sinh đặt được phong phú, tôi gợi ý để các em nêu thêm những ví dụ: (*đi giày, đi tắt, đi bộ, đứng gió, đứng chào cờ, ...*)

2.4 Ví dụ 4. Dạy bài “*Luyện tập về từ nhiều nghĩa*” tiết 2 (Tiếng Việt 1) trang 82.

Dạng bài: Phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa có sẵn trong các câu văn cho trước

Bài tập 1. Để giúp các em dễ dàng phân biệt những từ nào là từ đồng âm, những từ nào là từ nhiều nghĩa, giáo viên cho học sinh nêu nghĩa trước sau đó mới trả lời câu hỏi của bài tập.

a. Chín

- Lúa ngoài đồng đã **chín** vàng. (**chín**: hạt lúa phát triển đến mức thu hoạch được).
- Tổ em có **chín** học sinh. (**chín**: số tiếp theo số 8)
- Nghĩ cho **chín** rồi hãy nói. (**chín**: suy nghĩ kỹ càng)

Từ đó, học sinh sẽ nêu được từ “ **chín**” ở câu 1 và câu 3 là từ nhiều nghĩa, và đồng âm với từ “**chín**” ở câu 2.

b. Đường

- Bát chè này nhiều **đường** nên rất ngọt. (**đường**: chất kết tinh vị ngọt).
- Các chú công nhân đang chừa **đường** dây điện thoại. (**đường**: vật nối liền hai đầu)
- Ngoài **đường**, mọi người đã đi lại nhộn nhịp. (**đường**: lối đi)

Tương tự, học sinh nêu từ “**đường**” ở câu 2 và câu 3 là từ nhiều nghĩa, và đồng âm với từ “**đường**” ở câu 1.

c. Vạt

- Những **vạt** nương màu mỡ (**vạt**: mảnh đất trồng trọt trải dài trên đồi, núi)

Lúa chín ngập lòng thung

Nguyễn Đình Ảnh

- Chú Tư lấy dao **vật** nhọn đầu chiếc gậy tre. (**vật**: đẽo, chặt xiên).

Những người Giáy, người Dao

Đi tìm măng hái nấm

Vật áo chàm thấp thoáng (**vật**: thân áo)

Nhuộm xanh cả nắng chiều.

Nguyễn Đình Ảnh

Và học sinh nêu từ “**vật**” ở câu 1 và câu 3 là từ nhiều nghĩa, và đồng âm với từ “**vật**” ở câu 2.

Bài tập 3:

Để học sinh không bị nhầm lẫn khi đặt câu (hai câu có cùng một nghĩa) tôi cho học sinh làm theo các bước như sau:

Bước 1: Nêu nghĩa của từ .

Bước 2: Tìm từ chứa nghĩa đó.

Bước 3: Đặt câu.

a) **Cao**

- Có chiều cao lớn hơn mức bình thường (ngọn núi, ống khói, cột cờ, ngọn cây...).

- Có số lượng hoặc chất lượng hơn hẳn mức bình thường (tuổi, trình độ, sản lượng, giá cả...).

b) **Nặng**

- Có trọng lượng hơn hẳn mức bình thường (bao gạo, cành cây, cân ...)

- Với mức độ cao hơn, trầm trọng hơn mức bình thường (bệnh, máy hỏng, phạm tội, hạn hán ...)

Với cách làm này, học sinh sẽ không bị nhầm lẫn khi đặt câu.

Tóm lại, lựa chọn, vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng bài sẽ giúp cho giáo viên và học sinh đạt được mục tiêu bài học và không khí lớp học sôi nổi, hào hứng.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong quá trình nghiên cứu và áp dụng đề tài vào giảng dạy thực tế, học sinh lớp tôi đã thể hiện tính tích cực trong học tập, các em luôn hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài. Điều đáng mừng là các em không chỉ tiến bộ về phân môn Luyện từ và câu mà ở các môn học khác các em cũng học tốt hơn. Kết quả kiểm tra định kì của môn Tiếng Việt trong học kì I như sau:

Loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	%	SL	%	SL	%
Cuối HKI	26	59,0	18	41,0	0	

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Qua thời gian nghiên cứu và áp dụng đề tài vào giảng dạy, tôi thấy bước đầu đã nâng dần chất lượng. Bản thân tôi luôn nhớ rằng: muốn tiết học đạt kết quả tốt thì giáo viên phải có kiến thức vững vàng, hiểu biết tâm lí của học sinh, biết cách thiết kế bài dạy phù hợp với trình độ của lớp mình.

Khi soạn bài cần phải nắm vững mục tiêu bài dạy, kĩ năng cần đạt của bài để thiết kế các hoạt động cho phù hợp giúp học sinh tiếp thu được một cách đầy đủ và dễ hiểu nhất.

Một yếu tố không thể thiếu đối với giáo viên là lòng nhiệt tình, thương yêu, tôn trọng học sinh. Có như thế ta mới hòa nhập được với trẻ, đồng cảm với học sinh và giúp các em học tập tốt hơn. Ngoài ra, giáo viên cần phải luôn trao đổi, học hỏi kinh nghiệm ở bạn đồng nghiệp để tìm cách dạy hay, giúp học sinh dễ hiểu bài và vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.

Trong mỗi tiết dạy, cần coi trọng việc ôn tập, củng cố và rèn kĩ năng cho học sinh. Điều đó sẽ giúp các em nắm vững kiến thức đã học một cách hệ thống, củng cố rèn luyện các kĩ năng một cách bền vững.

Thường xuyên động viên, khen ngợi những tiến bộ của học sinh dù rất nhỏ để các em tự hào và có ý thức phấn đấu tốt hơn nữa.

Vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp trong tiết dạy, cần coi trọng phương pháp tích cực để phát huy tính chủ động, suy nghĩ độc lập, trí thông minh và óc sáng tạo của học sinh.

Ứng dụng phần mềm PowerPoint để thiết kế bài giảng trình chiếu nhằm góp phần tạo hứng thú học tập cho học sinh.

C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trên đây là một số kinh nghiệm mà tôi đã làm: **“Giúp học sinh lớp 5 học tốt về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa”** trong phân môn Luyện từ và câu từ những kinh nghiệm thực tế, qua nhiều năm giảng dạy và áp dụng. Tôi thấy nó đã mang lại hiệu quả tốt, góp phần nâng cao chất lượng môn học Tiếng Việt nói chung.

Song tôi có một số kiến nghị sau: từ đồng âm và từ nhiều nghĩa vẫn là một vấn đề khó, rắc rối, nhiều giáo viên muốn được tìm hiểu để nâng cao, mở rộng vốn hiểu biết của mình vậy:

- Các nhà trường nên có nhiều tài liệu về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa để giáo viên tiện tham khảo, tìm thêm bài tập cho học sinh.
- Nhà trường, khối tổ chuyên môn luôn tổ chức cho giáo viên dạy chuyên đề để rút kinh nghiệm cùng nhau học hỏi chuyên môn.
- Giáo viên được nghe thêm, học hỏi thêm về môn Tiếng Việt nói chung và phần từ đồng âm, từ nhiều nghĩa nói riêng thông qua các tiết chuyên đề, học bồi dưỡng thường xuyên.

Mặc dù kinh nghiệm của tôi đã cho hiệu quả tốt song nội dung không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong sự đóng góp của đồng nghiệp!

Tôi xin chân thành cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người viết sáng kiến



. ***Hoàng Thị Khánh***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách giáo khoa Tiếng Việt 5 - tập 1.
2. Sách giáo viên Tiếng Việt 5 - tập 1.
3. Sách thiết kế bài giảng Tiếng Việt 5 - tập 1.
4. Sách Tiếng Việt nâng cao 5.
5. Sách thực hành Tiếng Việt 5 - tập 1.
6. Giáo trình Tiếng Việt 2 (Đỗ Xuân Thảo - Lê Hữu Tĩnh)
7. Một số vấn đề lý luận và phương pháp dạy học từ ngữ Tiếng Việt trong nhà trường (Nguyễn Đức Tôn).
8. Giải đáp 88 câu hỏi về dạy Tiếng Việt ở Tiểu học (Nguyễn Hữu Tĩnh - Trần Mạnh Hưởng).